

ĐIỂM MỚI CỦA QUYẾT ĐỊNH 79/QĐ-BXD SO VỚI 957/QĐ-BXD
ĐỊNH MỨC CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng
Hiệu lực thi hành: từ 01/03/2017

Nội dung	QUYẾT ĐỊNH 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009	QUYẾT ĐỊNH 79/QĐ-BXD ngày 15/2/2017
Phạm vi áp dụng	Điều 1. Công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình kèm theo Quyết định này để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng vào việc xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình	Điều 1. Công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng kèm theo Quyết định này để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng trong tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng công trình, xác định giá gói thầu và quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng
Kết cấu tổng thể	<ul style="list-style-type: none"> - Theo các bảng định mức kèm thuyết minh sử dụng từ Bảng 1 đến Bảng 20 - Có 1 phụ lục hướng dẫn lập dự toán chi phí tư vấn 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo 2 Phần lớn và các mục con: <ul style="list-style-type: none"> + Phần I: ĐỊNH MỨC CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN <ul style="list-style-type: none"> I. Hướng dẫn áp dụng định mức chi phí quản lý dự án II. Định mức chi phí + Phần II: ĐỊNH MỨC CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG <ul style="list-style-type: none"> I. Hướng dẫn chung áp dụng định mức chi phí tư vấn đầu tư xây dựng II. Hướng dẫn áp dụng định mức chi phí lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật III. Định mức chi phí

		<p>IV. Hướng dẫn áp dụng định mức chi phí thiết kế xây dựng</p> <p>V. Hướng dẫn áp dụng định mức chi phí thăm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật</p> <p>VI. Hướng dẫn áp dụng định mức chi phí thăm tra thiết kế xây dựng</p> <p>VII. Hướng dẫn áp dụng định mức chi phí thăm tra dự toán xây dựng</p> <p>VIII. Hướng dẫn áp dụng định mức chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu</p> <p>IX. Hướng dẫn áp dụng định mức chi phí giám sát</p> <p>X. Hướng dẫn áp dụng định mức chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng</p> <p>XI. PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH DỰ TOÁN CHI PHÍ TƯ VẤN</p>
<p>Định mức chi phí quản lý dự án</p>	<p>Chi phí quản lý dự án xác định theo Định mức chi phí quản lý dự án công bố tại Quyết định này là nguồn kinh phí cần thiết cho chủ đầu tư để tổ chức quản lý việc thực hiện các công việc quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án đến khi hoàn thành, nghiệm thu bàn giao, đưa công trình vào khai thác sử dụng; cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tổ chức việc lập báo cáo đầu tư (Báo cáo NCTKT), lập dự án đầu tư (Báo cáo NCKT), lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; - Chi phí tổ chức việc thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư; - Chi phí tổ chức việc thi tuyển thiết kế kiến trúc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí quản lý dự án trong tổng mức đầu tư xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 1 trong Quyết định này) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư xây dựng của dự án được duyệt. - Chi phí quản lý dự án trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu (trường hợp dự án được quản lý theo các gói thầu) xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (cùng định mức tỷ lệ % sử dụng để tính chi phí quản lý dự án trong tổng mức đầu tư được duyệt) nhân với chi phí xây dựng và thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) của dự toán công trình hoặc của dự toán gói thầu. - Riêng chi phí quản lý dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư được xác định bằng dự toán phù hợp với nhiệm vụ chuẩn bị dự

	<p>hoặc lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tổ chức việc thẩm định dự án đầu tư; thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật; - Chi phí tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình; - Chi phí tổ chức việc lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng; <p>....</p>	<p>án. Chi phí quản lý dự án trong giai đoạn này là một phần của chi phí quản lý dự án xác định theo Định mức chi phí quản lý dự án công bố tại Quyết định này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp chi phí thiết bị chiếm tỷ trọng $\geq 50\%$ tổng chi phí xây dựng và thiết bị trong tổng mức đầu tư được duyệt thì điều chỉnh định mức chi phí quản lý dự án với hệ số $k = 0,80$.
<p>Định mức chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (nói chung)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tư vấn xác định theo định mức công bố tại Quyết định này bao gồm các chi phí: chi phí chuyên gia, chi phí quản lý, chi phí khác và thu nhập chịu thuế tính trước nhưng chưa bao gồm chi phí mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và thuế giá trị gia tăng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tư vấn xác định theo định mức chi phí tư vấn công bố tại Quyết định này bao gồm các khoản chi phí: Chi phí chi trả cho chuyên gia trực tiếp thực hiện công việc tư vấn; chi phí quản lý của tổ chức tư vấn; chi phí khác (gồm cả chi phí mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp); thu nhập chịu thuế tính trước nhưng chưa gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp áp dụng mô hình thông tin công trình (viết tắt là BIM) trong quá trình thực hiện công việc tư vấn thì bổ sung chi phí này bằng dự toán. - Chi phí tư vấn xác định trên cơ sở định mức tỷ lệ phần trăm (%) công bố tại Quyết định này tương ứng với quy mô chi phí xây dựng, quy mô chi phí thiết bị hoặc quy mô chi phí xây dựng và chi phí thiết bị. Trường hợp quy mô chi phí xây dựng, quy mô chi phí thiết bị hoặc quy mô chi phí xây dựng và thiết bị của dự án, công trình, gói thầu nằm trong khoảng quy mô chi phí công bố tại Quyết định này thì định mức chi phí tư vấn được nội suy - Trường hợp cần phải thuê tư vấn nước ngoài thực hiện một số công việc tư vấn của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, các dự án đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác công tư (PPP) thì chi phí thuê tư vấn nước ngoài

		<p>xác định cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp thuê tổ chức tư vấn trong nước phối hợp với chuyên gia tư vấn nước ngoài để thực hiện công việc tư vấn thì chi phí thuê tư vấn xác định bằng dự toán chi phí. Trong trường hợp này, chi phí thuê chuyên gia tư vấn nước ngoài cộng với chi phí thuê tư vấn trong nước không vượt quá 2,0 lần mức chi phí tính theo định mức công bố tại Quyết định này. - Trường hợp thuê tổ chức tư vấn trong nước và tổ chức tư vấn nước ngoài phối hợp thực hiện công việc tư vấn thì chi phí thuê tư vấn xác định bằng dự toán chi phí. Trong trường hợp này, chi phí thuê tổ chức tư vấn nước ngoài cộng với chi phí thuê tổ chức tư vấn trong nước không vượt quá 2,5 lần mức chi phí tính theo định mức công bố tại Quyết định này. - Trường hợp thuê tổ chức tư vấn nước ngoài thực hiện toàn bộ công việc tư vấn thì chi phí thuê tổ chức tư vấn nước ngoài xác định bằng dự toán nhưng không vượt quá 3,0 lần mức chi phí tính theo định mức công bố tại Quyết định này.
<p>Định mức chi phí lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật</p>	<p>- Chi phí lập dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xác định theo định mức tỉ lệ phần trăm chi phí lập dự án đầu tư (%) (định mức công bố tại bảng số 2 và bảng số 3 trong Quyết định này) và nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư của dự án, trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật được duyệt.</p>	<p>- Chi phí lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 2 trong Quyết định này) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) ước tính theo suất vốn đầu tư hoặc dữ liệu chi phí của các dự án có tính chất, quy mô tương tự đã hoặc đang thực hiện.</p> <p>- Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 3 trong Quyết định này) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong sơ bộ tổng mức đầu tư của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được duyệt hoặc ước tính theo suất vốn đầu tư, dữ liệu chi</p>

		<p>phí của các dự án có tính chất, quy mô tương tự đã hoặc đang thực hiện (trong trường hợp dự án không phải lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 4 trong Quyết định này) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) dự kiến theo suất vốn đầu tư hoặc dữ liệu chi phí của các dự án có tính chất, quy mô tương tự đã hoặc đang thực hiện. - Bảng số 2: Định mức chi phí lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi: Tỷ lệ % bằng 25-60% Định mức chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi (tùy loại, quy mô) - Bảng số 3: Định mức chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi - Bảng số 4: Định mức chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật
<p>Định mức chi phí thiết kế xây dựng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thiết kế được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) (định mức công bố tại Quyết định này) và nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong dự toán của công trình được duyệt. Trường hợp dự án gồm nhiều loại công trình thì chi phí thiết kế được xác định riêng theo từng loại công trình và tính theo quy mô chi phí xây dựng trong dự toán của từng công trình được duyệt. - Chi phí thiết kế tính theo định mức chi phí công bố tại Quyết định này đã bao gồm 10% chi phí giám sát tác giả. Chi phí thiết kế xác định như sau: 	<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thiết kế xây dựng xác định theo hướng dẫn tại Quyết định này để hoàn thành các công việc thiết kế gồm: Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, lập dự toán xây dựng, lập chỉ dẫn kỹ thuật, lập quy trình bảo trì công trình, giám sát tác giả và mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp. - Chi phí thiết kế xây dựng xác định theo định mức chi phí tỷ lệ phần trăm (%) (công bố từ bảng số 5 đến bảng số 14 trong Quyết định này) nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) tương ứng với loại, cấp của từng công trình trong tổng mức đầu tư được duyệt. - Chi phí thiết kế xây dựng xác định theo công thức sau: $C_{tk} = C_{xd} \times N_t \times k \quad (2)$

	$C_{tk} = C_{xd} \times N_t \times (k + 0,1) \quad (2)$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - C_{tk}: Chi phí thiết kế công trình; đơn vị tính: giá trị; - C_{xd}: Chi phí xây dựng trong dự toán của từng công trình; đơn vị tính: giá trị; - N_t: Định mức chi phí thiết kế theo công bố; đơn vị tính: tỷ lệ %; - k: Hệ số điều chỉnh giảm định mức chi phí thiết kế; <p>- 0,1: Chi phí giám sát tác giả (10%).</p>	<p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - C_{tk}: Chi phí thiết kế xây dựng; đơn vị tính: giá trị; - C_{xd}: Chi phí xây dựng tương ứng với loại, cấp của từng công trình trong tổng mức đầu tư được duyệt; đơn vị tính: giá trị; - N_t: Định mức chi phí thiết kế theo công bố; đơn vị tính: tỷ lệ %; - k: Hệ số điều chỉnh định mức chi phí thiết kế; <p>- Bảng số 5: Định mức chi phí thiết kế kỹ thuật của công trình dân dụng có yêu cầu thiết kế 3 bước</p> <p>Trường hợp công trình dân dụng có chi phí thiết bị công trình $\geq 50\%$ tổng chi phí xây dựng và chi phí thiết bị trong dự toán công trình thì chi phí thiết kế công trình dân dụng này được xác định bằng cấp trị số định mức tỷ lệ phần trăm (%) theo chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) tại bảng số 5 hoặc bảng số 6 và bảng DD1 (0,16-0,6 theo quy mô giá trị thiết bị)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng số 7: Định mức chi phí thiết kế kỹ thuật của công trình công nghiệp có yêu cầu thiết kế 3 bước - Bảng số 9: Định mức chi phí thiết kế kỹ thuật của công trình giao thông có yêu cầu thiết kế 3 bước <p>Bảng số 11: Định mức chi phí thiết kế kỹ thuật của công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn có yêu cầu thiết kế 3 bước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng số 13: Định mức chi phí thiết kế kỹ thuật của công trình hạ tầng kỹ thuật có yêu cầu thiết kế 3 bước
<p>Định mức chi phí thẩm</p>	<p>- Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án đầu tư tính theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (định mức công bố tại bảng số 14</p>	<p>- Chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 15 trong Quyết định</p>

<p>tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật</p>	<p>trong Quyết định này) và nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư được duyệt.</p>	<p>này) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) ước tính theo suất vốn đầu tư, dữ liệu chi phí của các dự án có tính chất, quy mô tương tự đã hoặc đang thực hiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 16 trong Quyết định này) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong sơ bộ tổng mức đầu tư của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được duyệt hoặc ước tính theo suất vốn đầu tư, dữ liệu chi phí của các dự án có tính chất, quy mô tương tự đã hoặc đang thực hiện (trong trường hợp dự án không phải lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi). - Chi phí thẩm tra báo cáo kinh tế - kỹ thuật xác định trên cơ sở định mức chi phí thẩm tra thiết kế và định mức chi phí thẩm tra dự toán theo công bố tại Quyết định này nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật và điều chỉnh với hệ số $k = 1,2$. <p>Bảng số 15: Định mức chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi → Nội dung mới</p> <p>Bảng số 16: Định mức chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi xác định theo định mức tại bảng 16 nêu trên được phân chia như sau: + Thẩm tra thiết kế cơ sở: 35%. + Thẩm tra tổng mức đầu tư: 35%. + Thẩm tra các nội dung còn lại của dự án: 30%. - Trường hợp dự án có yêu cầu phải thẩm tra thiết kế công nghệ của
---	---	--

		<i>dự án thì chi phí thẩm tra thiết kế công nghệ được bổ sung bằng 20% của chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi.</i>
Định mức chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	<p>- Chi phí thẩm tra thiết kế kỹ thuật đối với công trình có yêu cầu thiết kế 3 bước; thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình có yêu cầu thiết kế 1 bước và 2 bước xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (định mức công bố tại bảng số 15 trong Quyết định này) và nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong dự toán công trình được duyệt.</p> <p>- Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình có yêu cầu thiết kế 3 bước xác định bằng 40% chi phí thẩm tra thiết kế kỹ thuật. Chi phí thẩm tra thiết kế công nghệ (nếu có) xác định bằng lập dự toán</p>	<p>- Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 17 trong Quyết định này) nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) của công trình trong tổng mức đầu tư được duyệt. Trường hợp công việc thiết kế thực hiện theo gói thầu thì chi phí thẩm tra thiết kế xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 17 của Quyết định này) nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong gói thầu được duyệt.</p> <p>- Bảng số 17: Định mức chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng</p>
Định mức chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	<p>Chi phí thẩm tra dự toán xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (định mức công bố tại bảng số 16 trong Quyết định này) và nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt. Trường hợp chi phí thiết bị chiếm tỷ trọng $\geq 50\%$ của giá trị dự toán công trình hoặc giá trị dự toán gói thầu thì chi phí thẩm tra dự toán được điều chỉnh với hệ số $K = 1,3$.</p>	<p>- Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 18 trong Quyết định này) nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) của công trình trong tổng mức đầu tư được duyệt. Trường hợp thẩm tra dự toán gói thầu thi công xây dựng thì chi phí thẩm tra dự toán xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 18 của Quyết định này) nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong gói thầu được duyệt.</p> <p>2. Trường hợp chi phí thiết bị $\geq 25\%$ tổng giá trị chi phí xây dựng và chi phí thiết bị trong dự toán xây dựng công trình thì chi phí thẩm tra dự toán xây dựng được điều chỉnh với hệ số $k = 1,2$.</p> <p>Bảng số 18: Định mức chi phí thẩm tra dự toán xây dựng</p> <p>- <i>Đối với công trình có yêu cầu thiết kế 3 bước nếu có yêu cầu thẩm tra dự toán thiết kế kỹ thuật và thẩm tra dự toán thiết kế bản vẽ thi</i></p>

		<p>công thì chi phí thẩm tra xác định riêng cho từng dự toán theo định mức công bố tại bảng số 18</p>
<p>Định mức chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu</p>	<p>- Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng tính theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (định mức công bố tại bảng số 17 trong Quyết định này) và nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong dự toán gói thầu được duyệt.</p> <p>- Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm thiết bị tính theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (định mức công bố tại bảng số 18 trong Quyết định này) và nhân với chi phí vật tư, thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong dự toán gói thầu được duyệt.</p>	<p>1. Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 19 trong Quyết định này) nhân với giá gói thầu tư vấn (chưa có thuế giá trị gia tăng) được duyệt. -> nội dung mới</p> <p>2. Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 20 trong Quyết định này) nhân với giá gói thầu thi công xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) được duyệt.</p> <p>3. Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm vật tư, thiết bị xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 21 trong Quyết định này) nhân với giá gói thầu mua sắm vật tư, thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) được duyệt.</p> <p>4. Trong giai đoạn xác định tổng mức đầu tư, đối với các dự án dự kiến được triển khai thực hiện theo các gói thầu khác nhau, để dự trù kinh phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn, thi công xây dựng và mua sắm thiết bị công trình của dự án thì chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu có thể được ước tính theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 19, bảng số 20 và bảng số 21 của Quyết định này) tương ứng với quy mô chi phí tư vấn, chi phí xây dựng hoặc chi phí thiết bị của từng gói thầu dự kiến sẽ được phân chia.</p> <p>5. Chi phí lập hồ sơ mời quan tâm, đánh giá hồ sơ quan tâm hoặc chi phí lập hồ sơ mời sơ tuyển, đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển xác định bằng 30% chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu của gói thầu thi công xây dựng, mua sắm vật tư, thiết bị và tư vấn xác định theo định mức công bố tại Quyết định này.</p> <p>6. Chi phí lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất xác định</p>

	<p>+ Lập hồ sơ mời thầu: 40%</p> <p>+ Phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: 60%</p>	<p>bằng 60% chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu của gói thầu thi công xây dựng, mua sắm vật tư, thiết bị và tư vấn xác định theo định mức công bố tại Quyết định này.</p> <p>7. Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu hỗn hợp xác định bằng dự toán theo hướng dẫn tại Quyết định này.</p> <p>Bảng số 20: Định mức chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng</p> <p>Bảng số 21: Định mức chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm vật tư, thiết bị</p> <p>- Lập hồ sơ mời thầu: 45%;</p> <p>- Đánh giá hồ sơ dự thầu: 55%.</p>
<p>Định mức chi phí giám sát</p>	<p>3.8. Hướng dẫn áp dụng định mức chi phí giám sát thi công xây dựng và giám sát lắp đặt thiết bị</p> <p>3.8.1. Chi phí giám sát thi công xây dựng xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (định mức công bố tại bảng số 19 trong Quyết định này) và nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong dự toán gói thầu xây dựng được duyệt.</p> <p>3.8.2. Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (định mức công bố tại bảng số 20 trong Quyết định này) và nhân với chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong dự toán gói thầu thiết bị được duyệt.</p>	<p>1. Chi phí giám sát thi công xây dựng xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 22 trong Quyết định này) nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong dự toán xây dựng công trình được duyệt.</p> <p>2. Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 23 trong Quyết định này) nhân với chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong dự toán xây dựng công trình được duyệt.</p> <p>3. Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 24 trong Quyết định này) nhân với chi phí khảo sát xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) của dự toán khảo sát xây dựng được duyệt. -> Nội dung mới phù hợp 32 và 06 - Bảng số 24: Định mức chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng</p> <p>4. Trong giai đoạn xác định tổng mức đầu tư, đối với các dự án dự</p>

		<p>kiến được triển khai thực hiện theo các gói thầu khác nhau, để dự trù kinh phí giám sát thi công xây dựng, giám sát lắp đặt thiết bị của dự án thì chi phí giám sát có thể được ước tính theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 22 và bảng số 23 của Quyết định này) tương ứng với quy mô chi phí xây dựng hoặc chi phí thiết bị của từng gói thầu dự kiến sẽ được phân chia.</p> <p>....</p> <p>Bảng số 22: Định mức chi phí giám sát thi công xây dựng</p> <p>Bảng số 23: Định mức chi phí giám sát lắp đặt thiết bị</p>
Định mức chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng	Chưa có!	<p>1. Chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (công bố tại bảng số 25 trong Quyết định này) nhân với giá trị tổng mức đầu tư (chưa có thuế giá trị gia tăng) được duyệt.</p> <p>2. Chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng xác định theo định mức chi phí công bố tại Quyết định này tương ứng với dự án có thời gian đầu tư xây dựng ≤ 5 năm. Đối với các dự án có thời gian xây dựng kéo dài hơn 5 năm được điều chỉnh với các hệ số sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đầu tư xây dựng > 5 năm đến 7 năm: $k = 1,1$; - Thời gian đầu tư xây dựng > 7 năm: $k = 1,2$. <p>Bảng số 25: Định mức chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng</p>
XÁC ĐỊNH DỰ TOÁN CHI PHÍ		<p>Dự toán chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là dự toán chi phí tư vấn) theo hướng dẫn tại Quyết định này sử dụng để xác định chi phí của các công việc tư vấn chưa có định mức chi phí công bố hoặc đã có định mức chi phí công bố nhưng chưa phù hợp. Dự</p>

TƯ VẤN

toán chi phí tư vấn làm cơ sở để xác định giá gói thầu tư vấn, dự toán gói thầu tư vấn phù hợp với trình tự đầu tư xây dựng

dutoanf1.com

THEO 957 CŨ:**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ TƯ VẤN**

TT	Khoản mục chi phí	Diễn giải	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	Chi phí chuyên gia			Ccg
2	Chi phí quản lý	$(45\%-55\%)*Ccg$		Cql
3	Chi phí khác			Ck
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	$6%*(Ccg+Cql+Ck)$		TN
5	Thuế giá trị gia tăng	$\%*(Ccg+Cql+Ck+TN)$		VAT
6	Chi phí dự phòng	$10%*(Ccg+Cql+Ck+TN+VAT)$		Cdp
	Tổng cộng	$Ccg+Cql+Ck+TN+VAT+Cdp$		Ctv

THEO 79 MỚI

Dự toán chi phí tư vấn gồm các khoản chi phí: Chi phí chuyên gia, chi phí quản lý, chi phí khác, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng và chi phí dự phòng. Dự toán chi phí tư vấn được tổng hợp như sau:

TT	Khoản mục chi phí	Diễn giải	Giá trị (đồng)	Ký hiệu
1	Chi phí chuyên gia			Ccg
2	Chi phí quản lý	Xác định theo tỷ lệ % chi phí chuyên gia tại mục 3.2		Cql
3	Chi phí khác			Ck
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	$6\% \times (Ccg+Cql)$		TN
5	Thuế giá trị gia tăng	$\% \times (Ccg+Cql+TN+Ck)$		VAT
6	Chi phí dự phòng	$\% \times (Ccg+Cql+Ck+TN+VAT)$		Cdp
	Tổng cộng:	$Ccg+Cql+Ck+TN+VAT+Cdp$		Ctv

3.2. Chi phí quản lý (Cql): Chi phí quản lý là khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý của tổ chức tư vấn gồm: Tiền lương của bộ phận quản lý, chi phí duy trì hoạt động của tổ chức tư vấn, chi phí văn phòng làm việc, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp... Chi phí quản lý xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) chi phí chuyên gia, cụ thể như sau:

Chi phí chuyên gia (tỷ đồng)	< 1	1 ÷ < 5	≥ 5
Tỷ lệ %	55	50	45

3.6. Chi phí dự phòng (Cdp): Là khoản chi phí cho những phát sinh trong quá trình thực hiện công việc tư vấn. Chi phí dự phòng xác định tối đa không quá 10% so với toàn bộ các khoản chi phí nói trên.